TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 5592/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/12/2024.
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hương Thủy;

Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2454/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10046/2024/QĐXXST-DS ngày 29/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đỗ Thị K**, sinh năm 1987. Hộ chiếu số: C0781239. Địa chỉ: xã K, huyện T, Thành phố Hà Nội, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981. Hộ chiếu số: C6779994. Địa chỉ: Căn hộ A, Tòa nhà S Chung cư V, đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Đỗ Thị K trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà K và ông Nguyễn Văn T trong thời gian đi lao động ở Hàn Quốc đã tự nguyện yêu nhau, sống chung với nhau như vợ chồng, sau đó tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Đ1 tại Hàn Quốc cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 659, đăng ký ngày 27/8/2020. Sau khi trở về Việt Nam, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người bất đồng quan điểm sống, sau đó hai vợ chồng sống ly thân một thời gian dài. Bà K

xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà K khai bà và ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Á (sinh ngày 25/02/2021). Bà K yêu cầu Tòa án giao cho bà quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà K trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà K trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, bà K có đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày*: Ông T xác nhận những lời trình bày của bà K về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà K yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Đồng thời, ông T cũng đồng ý yêu cầu của bà K về việc giao bà K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung – cháu Nguyễn Ngọc Á; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con. Ông Q cũng yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn - bà Đỗ Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Nguyễn Văn T, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai, Đơn đề nghị không hòa giải đoàn tụ và xin vắng mặt của đương sự đã được thực hiện theo quy định nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của hai bên và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 659, đăng ký ngày 27/8/2020 tại Đ1 tại Hàn Quốc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết. Do hai người hoàn toàn không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở. Mặt khác tại bản tự khai, bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, điều đó thể hiện cả hai bên không có ý muốn đoàn tụ với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Hai bên có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Á (sinh ngày 25/02/2021). Nguyên đơn yêu cầu sau khi ly hôn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận. Xét, tại bản tự khai, bị đơn cũng thống nhất đồng ý với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên. Giao con chung cháu - Nguyễn Ngọc Á cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đỗ Thị K.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị K ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị K và ông Nguyễn Văn T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 659, đăng ký ngày 27/8/2020 tại Đ1 tại Hàn Quốc) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị K và ông Nguyễn Văn T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Á (sinh ngày 25/02/2021). Công nhận sự thỏa thuận giữa bà K và ông T về việc giao con chung nêu trên cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Đỗ Thị K phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà K đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041821 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Bà Đỗ Thị K, ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan Đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đ-Kim Anh), 12.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đời